|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**I- SƠ YẾU LÝ LỊCH**

Họ và tên: **TRÂN HIỆP** Nam (nữ): **Nam**

Ngày sinh: **28/03/1976**

Quê quán: *Xã Xuân Huy, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ*

Nơi ở hiện nay: *Ngõ 367/112 Phố Ngô Xuân Quảng (Cửu Việt 2), Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội*

Dân tộc: ***Kinh***  Tôn giáo: ***Không***

Đơn vị công tác (Bộ môn, Khoa, Trung tâm, Viện, Công ty):

Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa - Khoa Chăn nuôi

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tên người Lãnh đạo: GS.TS. Nguyễn Thị Lan

Địa chỉ tổ chức: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội

Chức vụ: ***Giảng viên***

Ngạch công chức: ***Giảng viên*** Mã số: *15.111*

Hệ số lương hiện nay: 3.99

Năm vào biên chế: 2000 Thâm niên giảng dạy ĐH, CĐ: *15 năm*

Địa chỉ liên hệ: *Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Điện thoại cơ quan: 04.38768269

Điện thoại nhà riêng: 04.38768864 Điện thoại di động: 0915.094.819

Fax: Email: [hiep26@yahoo.com](mailto:hiep26@yahoo.com)

Tình trạng hôn nhân: Đã kết hôn

**II- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Tốt nghiệp đại học:**

- Nơi đào tạo: Trường ĐH Nông nghiệp I thời gian đào tạo: ***1994 - 1998***

- Chuyên ngành: ***Chăn nuôi – Thú y*** Loại: ***Giỏi***

- Thời gian đào tạo: ***4 năm*** Năm tốt nghiệp: ***1998***

**2. Học Cao học và bảo vệ học vị Thạc sĩ:**

- Nơi đào tạo: ***Đại học Liège – Vương quốc Bỉ***

- Chuyên ngành: **Chăn nuôi** loại: **Khá**

- Tên luận văn: ***Đánh giá tiềm năng sử dụng của các loại phụ phẩm công-nông nghiệp khi sử dụng với một số loại thức ăn không truyền thống ở các nước nhiệt đới.***

- Tháng năm được cấp bằng Thạc sĩ: **26/09/2002**

**3. Nghiên cứu sinh và bảo vệ học vị Tiến sĩ:**

- Nơi đào tạo: ***Pháp*** thời gian đào tạo: ***10/2005 – 06/2009***

- Chuyên ngành: Chăn nuôi

- Tên luận án: *Định lượng hàm lượng Nitơ liên kết với xơ trong thức ăn bằng phương pháp phân tích quang phổ cận hồng ngoại (NIRS) và ứng dụng trong việc đánh giá khả năng tiêu hoá của thức ăn trên bò sữa ở Việt Nam và Réunion (Pháp).*

- Tháng năm được cấp bằng Tiến sĩ: ***2009*** ; loại: ***Xuất sắc***

**4. Năm được công nhận chức danh PGS:** ……...... chuyên ngành: …...…….……..

5**. Năm được công nhận chức danh GS:** ……........ chuyên ngành: ……...….……..

**6. Trình độ ngoại ngữ:** Anh văn (C, thành thạo), Pháp văn (C, thành thạo)

**7. Trình độ tin học:** B

**8. Các lớp bồi dưỡng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Lớp bồi dưỡng*** | ***Nơi đào tạo*** | ***Thời gian*** | ***Bằng/chứng chỉ*** |
| Thiết kế và xây dựng chuồng trại chăn nuôi | Việt Nam | 2012 | Chứng chỉ |
| Thức ăn và khẩu phần ăn cho bò sữa | Việt Nam | 2009 | Chứng chỉ |
| Chăn nuôi bò thịt | Việt Nam | 2009 | Chứng chỉ |
| Mô hình hoá hệ thống chăn nuôi lợn và sử dụng khoai lang trong chăn nuôi lợn | Việt Nam | 2007 | Chứng chỉ |
| Tiềm năng sử dụng Quang phổ cận hồng nghoại trong dinh dưỡng động vật | Pháp | 2004 | Chứng chỉ |
| Quản lý và phân tích dự liệu chăn nuôi | Pháp | 2004 | Chứng chỉ |
| Kinh tế phát triển trong nông nghiệp nông thôn | Việt Nam | 2004 | Chứng chỉ |
| Nâng cao chất lượng gen động vật | Việt Nam | 2003 | Chứng chỉ |
| Công tác giống trong chăn nuôi gia súc | Việt Nam | 2003 | Chứng chỉ |
| Nâng cao khả năng sinh sản ở động vật nhai lại | Việt Nam | 2000 | Chứng chỉ |
| Di truyền số lượng và thống kê sinh học | Việt Nam | 2000 | Chứng chỉ |
| Dinh dưỡng động vật | Việt Nam | 1999 | Chứng chỉ |

**9. Hoạt động giảng dạy**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tên và địa chỉ cơ quan/tổ chức*** | ***Từ….. đến …..*** | ***Chức vụ/vị trí*** |
| Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội | 1999 - nay | Giảng viên |

**10. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tên đề tài/dự án*** | ***Cấp quản lý*** | ***Từ ... đến ...*** | ***Chức vụ/vị trí*** | ***Đang triển khai/Đã nghiệm thu*** |
| "Ảnh hưởng của tanin phụ phẩm chè xanh đến khả năng bảo vệ protein trong môi trường dạ cỏ" | Cấp Học viện | 2019 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu ứng dụng chế biến lõi ngô, bã mía và vỏ chanh leo làm thức ăn cho bò sữa tại Sơn La | Cấp Tỉnh | 2017-2019 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Xây dựng khung đo phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp và hướng dẫn đo phát thải khí nhà kính (KNK) trong sản xuất lúa | Bộ NN&PTNT | 2016-2017 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| "Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học lên men thức ăn thô xanh nhằm phát triên chăn nuôi lợn hữu cơ tạo sản phẩm thịt lợn khác biệt" | Trọng điểm cấp Học viện | 1016-2017 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu tận dụng phụ phẩm của các nhà máy cồn để sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi | NN | 2014-2016 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn nông hộ” | Bộ KHCN | 2013-2016 | Phụ trách nghiên cứu nuôi dưỡng | Đang triển khai |
| Phát triển sinh kế bền vững và nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dân tộc nghèo ở huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa (FLC 13-05) | Phần Lan | 2014 | Tư vấn, chuyển giao | Đã nghiệm thu |
| *Dự án:* Sản xuất Nông nghiệp, An toàn Lương thực, và Dinh dưỡng tại Huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La  *Tiểu hợp phần:* Sáng kiến nghiên cứu ở các điểm khác nhau nhằm giảm thiểu suy dinh dưỡng trên cơ sở các giải pháp nông nghiệp | IDRC - Canada | 2014-2015 | Tư vấn, chuyển giao | Đang triển khai |
| Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ tiên tiến nâng cao chất lượng đàn bò và chế biến thức ăn thô trong chăn nuôi bò thịt tại huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ | *Bộ KH&CN* | *2014-2015* | Tư vấn, chuyển giao | Đang triển khai |
| Nghiên cứu xây dựng mô hình chăn nuôi lợn rừng quy mô trang trại tại tỉnh Phú Thọ | Tỉnh | 2012-2013 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Dự án Cạnh tranh Nông nghiệp tỉnh Đăk Lăk | Bộ NN&PTNT | 2013 | Giám sát, đánh giá | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu đánh giá và phát triển chuỗi giá trị cà phê tại huyện Đăk Đoa – Gia Lai. Dự án hỗ trợ Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn tỉnh Gia Lai (TNSP) | Bộ NN&PTNT | 2013 | Tư vấn | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu đánh giá và phát triển chuỗi giá trị ngô tại huyện Kông Chro– Gia Lai. Dự án hỗ trợ Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn tỉnh Gia Lai (TNSP) | Bộ NN&PTNT | 2013 | Tư vấn | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu đánh giá và phát triển chuỗi giá trị mía tại huyện K’Bang – Gia Lai. Dự án hỗ trợ Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn tỉnh Gia Lai (TNSP) | Bộ NN&PTNT | 2013 | Tư vấn | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu đánh giá và phát triển chuỗi giá trị sắn tại huyện Ia Pa – Gia Lai. Dự án hỗ trợ Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn tỉnh Gia Lai (TNSP) | Bộ NN&PTNT | 2013 | Tư vấn | Đã nghiệm thu |
| Sử dụng cây thức ăn bản địa nhằm giảm thiểu lượng khí metan dạ cỏ của bò sữa ở Ba Vì | IFS (Thụy Điển) | 2013 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Các giải pháp khả thi giảm thiểu khí nhà kính từ chăn nuôi | DANIDA (Denmark) | 2013-2015 | Tham gia | Đang triển khai |
| Nghiên cứu các giải pháp KHCN giảm thiểu phát thải khí methane (CH4) ra môi trường trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt | Bộ NN&PTNT | 2012-016 | Tham gia | Đang triển khai |
| Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam nhằm giảm nhẹ tác động và kiểm soát phát thải khí nhà kính | Bộ NN&PTNT | 2011 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Bổ sung dầu bông và Canxi Nitrate vào khẩu phần nhằm giảm phát thải khí mêtan từ dạ cỏ ở bò sinh trưởng | Mekarn fund | 2011 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu đánh giá các mô hình biogas ở Việt Nam | University of Twente, Netherland | 2010 | Tư vấn | Đã nghiệm thu |
| Chẩn đoán lượng metan thải ra trong chăn nuôi bò thịt dựa trên kỹ thuật phân tích phân bò bằng quang phổ cận hồng ngoại | Mekarn fund | 2010 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Vỗ béo bò thịt ở Việt Nam | Bộ NN&PTNT | 2010 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Chăn nuôi lợn và gia cầm hướng nạc đảm bảo VSMT | Bộ NN&PTNT | 2010 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Đánh giá tiềm năng và hiệu quả của một số loại thức ăn địa phương có tác dụng nâng cao sức khỏe đường tiêu hóa ở lợn sinh trưởng tại Miền Bắc - Việt Nam | Đề tài Việt Bỉ | 2009-2012 | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| Chăn nuôi lợn thịt hướng nạc đảm bảo VSMT | Bộ NN&PTNT | 2009 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Ứng dụng phương pháp phân tích Quang phổ cận hồng ngoại nhằm xây dựng hệ thống thức ăn cho gia súc nhai lại ở Việt Nam | Bộ NN&PTNT | 2005 - 2007 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Nâng cao hiệu quả sử dụng phế phụ phẩn nông nghiệp trong chăn nuôi | Viện chăn nuôi/NUFU (Na Uy) | 1998 - 2004 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu ngành hàng lợn tại một số huyện thuộc tỉnh Hà Tây | Trường (Dự án Bỉ) | 2004 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển chăn nuôi bò sữa tại Hoà Bình | Trường (Dự án Ford Foundation) | 2003 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Đánh giá điều kiện chăn nuôi tại các hộ nghèo ở Bắc Giang | Trường (Dự án Bỉ) | 2001 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu sự phát triển kinh tế nông hộ tại 3 tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam | Trường (Dự án Bỉ) | 2000 | Tham gia | Đã nghiệm thu |
| Nghiên cứu ngành hàng phụ phẩm lò mổ tại Hà Nội | Trường (Dự án Úc) | 1999 | Tham gia | Đã nghiệm thu |

**11. Công trình khoa học đã công bố**

1. Trần Hiệp, Bùi Quang Tuấn. Biến bã mía, lõi ngô làm thức ăn cho gia súc nhai lại. Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi số 256 (35-40) - tháng 4 năm 2020.
2. Chu Manh Thang, Tran Hiep and Le Dinh Phung (2020). Effect of cottonseed oil and tea by-products (Camellia sinensis) containing tannin on feed intake, digestibility, methane production and performance of growing cattle. Livestock Research for Rural Development 32 (5) 2020.
3. Lê Tuấn An, Chu Mạnh Thắng, Lê Đình Phùng,Trần Hiệp (2020). Ảnh hưởng của bổ sung phụ phẩm chè xanh đến tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng của khẩu phần trong môi trường dạ cỏ. KHKT Chăn nuôi số 256 (26-34) - tháng 4 năm 2020
4. Lê Văn Hà, Nguyễn Hùng Sơn, Nguyễn Xuân Trạch và Bùi Quang Tuấn và Trần Hiệp (2020). Tiềm năng sử dụng vỏ chanh leo làm thức ăn cho gia súc nhai lại. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Số 107:49-58. Tháng 01/2020
5. Hiep T, Tuan B Q, Son N H, Ha L V and Trach N X (2020). Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for ruminants in Vietnam: use of passion fruit peel silage in the diet of dairy cattle. Livestock Research for Rural Development. Volume 32, Article #59. <http://www.lrrd.org/lrrd32/4/nxtra32059.html>
6. Tran Hiep, Bui Quang Tuan, Le Viet Phuong, Nguyen Hung Sơn, Le Van Ha1 and Nguyen Xuan Trach (2020). Passion fruit (Passiflora edulis) peel as feed for ruminants in Vietnam: Quantification, chemical composition and posibility to make silage. http://www.lrrd.org/public-lrrd/proofs/lrrd3202/trach32035.html
7. Nguyen Xuan Trach, Tran Hiep, Nguyen Thi Duong Huyen & Nguyen Van Dat (2019). Determination of Optimal Levels of Energy, Protein, and Fiber in the Diets of New Zealand White Growing Rabbits Based on Nutrient-Response Models. VJAS 2019; 2(1): 305-313.
8. Nguyễn Thị Hải, Lê Văn Phan, Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Phương Giang, Trần Hiệp, Phạm Kim Đăng (2019). Nghiên cứu tạo dòng tế bào lai sinh kháng thể đơn dòng kháng progesterone. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2019, 17(8): 605-613.
9. Nguyễn Thị Hải, Lê Văn Phan, Nguyễn Hoàng Thịnh, Nguyễn Thị Phương Giang, Trần Hiệp, Phạm Kim Đăng (2019). Sản xuất kháng thể đơn dòng trong xoang phúc mạc của chuột BALB/c đặc hiệu cho Progesterone. Tạp chí KHKT Chăn nuôi Số 250 - tháng 10 năm 2019.
10. Trần Hiệp, Chu Mạnh Thắng (2019). Ảnh hưởng của các mức bổ sung dầu bông và tanin từ bột chè xanh đến lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và phát thải khí mêtan của bò giai đoạn nuôi cạn sữa. Tạp chí chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – số 105: 50-61. Tháng 11/2019.
11. Trần Hiệp, Chu Mạnh Thắng (2019). Ảnh hưởng của việc bổ sung dầu hạt bông và bột chè xanh đến lượng thu nhận, năng suất sữa và phát thải khí mêtan của bò trong giai đoạn tiết sữa. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Số 104: 67-77. Tháng 10/2019
12. Lê Văn Hà, Trần Hiệp, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Xuân Trạch, Bùi Quang Tuấn (2019). Nghiên cứu ủ chua vỏ chanh leo làm thức ăn cho gia súc nhai lại tại tỉnh Sơn La. Hội nghị khoa học Chăn nuôi – Thú y toàn quốc. Nhà xuất bản nông nghiệp (63-630/NN-2029 - 2/266-2019), tr.479-483.
13. Pham Kim Dang, Tran Hiep, Nguyen Thi Vinh, Nguyen Tien Thanh, Chu Ky Son (2016). Effect of cassava distillers dried grains from ethanol production on performance of growing pigs. International conference: Agriculture Development in the Context of International Integration: Opportunities and Challenges. Agricultural university press, p71-79 – 2016.
14. Trần Hiệp, Phạm Kim Đăng và Chu Mạnh Thắng (2015). Ảnh hưởng của cây ngô ủ chua đến khả năng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và mức độ phát thải khí mêtan từ dạ cỏ ở bò cạn sữa. Viện Chăn nuôi - Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi. Vol.10 – 2015.
15. Nguyen Xuan Trach, Tran Hiep, Nguyen Thi Duong Huyen & Nguyen Van Dat (2019). Determination of Optimal Levels of Energy, Protein, and Fiber in the Diets of New Zealand White Growing Rabbits Based on Nutrient-Response Models. VJAS 2019; 2(1): 305-313.
16. Tran Hiep, Pham Kim Dang, Nguyen Ngoc Bang, Chu Manh Thang (2015). Effect of tea tanin on performance and methane emission of lactating dairy cows. The 7th International Science, Social Sciences, Engineering and Energy Conference (I-SEEC 2015).
17. Dương Thu Hương, Phạm Kim Đăng, Trần Hiệp, Ngô Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Nguyệt, Vũ Văn Hạnh (2018). Làm giàu protein của bã sắn bằng đường hóa và lên men đồng thời. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2018, 16(3): 207-214.
18. Trần Hiệp, Nguyễn Thị Tuyết Lê (2018). Sử dụng thức ăn xanh lên men lỏng trong chăn nuôi lợn thịt. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2018, 16(5): 439-447.
19. Trần Hiệp, Nguyễn Thị Tuyết Lê (2017). Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Green Cattle đến năng suất chăn nuôi bò tiết sữa. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Số 225. Tháng 10/2017, p67-71.
20. Nguyễn Thị Tuyết Lê và Trần Hiệp. Ảnh hưởng của lớp độn lót nền chuồng lên men đến sinh trưởng của lợn thịt trong mùa hè. Tạp chí KHKT Chăn nuôi Số 224 - tháng 9 năm 2017.
21. Nguyễn Thị Tuyết Lê, Lê Việt Phương và Trần Hiệp (2017). Chất lượng và sự biến đổi của hệ vi sinh vật trong cây ngô ủ chua. Tạp chí KHKT Chăn nuôi Số 222 - tháng 8 năm 2017: p45-51
22. Tran Hiep, Paulo Salgado and Philippe Lecomte (2017). Application of Near Infrared Reflectance Spectroscopy (NIRS) to develop prediction models for feed intake of dairy cows based on animal factors and faecal spectra. J. Animal Husbandry Sciences and Technics,223 (8-2017): 24-29.
23. Trần Hiệp và Nguyễn Thị Tuyết Lê (2017). Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Probiotics và axits hữu cơ đến sinh trưởng, chuyển hóa thức ăn và khả năng cho thịt ở lợn lai thương phẩm. Tạp chí KHKT Chăn nuôi Số 222 - tháng 8 năm 2017: p40-45
24. Trần Hiệp và Nguyễn Thị Tuyết Lê (2017). Ảnh hưởng của khẩu phần ăn đển năng suất và phát thải mêtan trên bò tiết sữa. Tạp chí KHKT Chăn nuôi Số 224 - tháng 9 năm 2017: p84-90.
25. Tran Hiep, Paulo Salgado and Philippe Lecomte (2017). Development of Dry Matter Intake and Milk Yield prediction models for dairy cows based on animal factors and fecal Near Infrared Reflectance spectra. J. Animal Husbandry Sciences and Technics, 223 (8-2017): 47-53.
26. Nguyễn Thị Tuyết Lê và Trần Hiệp (2017). Hiệu quả của việc bổ sung chế phẩm vi sinh tổng hợp trong chăn nuôi gà thịt. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Số 78. Tháng 8/2017, p78-85
27. Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Việt Long, Hoàng Hiệp, Trần Hiệp (2017). Thách thức và định hướng đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp 4.0. Kỷ yếu Diễn đàn nông dân quốc gia II - 2017, p 48-57.
28. Chu Mạnh Thắng, Nguyễn Đình Tường, Trần Hiệp, 2016. Ảnh hưởng của việc bổ sung tanin từ bột chè xanh (*Camellia sinensis)* đến sinh trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và mức độ phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò thịt. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 63 - tháng 05/2016.
29. Tran Hiep, Nguyen Ngoc Bang, Salgado Paulo, Dang Vu Hoa, Trach Nguyen Xuan, 2016. Prediction of methane emissions from dairy cows in tropical countries based on fecal near infrared reflectance spectroscopy. J. Anim Husbandry Sci. and Technics, 210, 62-69.
30. Trần Hiệp, Nguyễn Ngọc Bằng, Nguyễn Xuân Trạch và Chu Mạnh Thắng, 2016. Ảnh hưởng của việc bổ sung dầu bông đến lượng thu nhận, năng suất và phát thải metan từ dạ cỏ bò đang tiết sữa. KHKT Chăn nuôi: 207: 48-55.
31. Phạm Kim Đăng, Trần Hiệp, 2016.Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm *Bacillus pro* đến một số chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của lợn sinh trưởng.Tạp chí Khoa học kỹ thuật chăn nuôi: sô 205: p.37-42.
32. Trần Hiệp, Nguyễn Ngọc Bằng,Vũ Chí Cương, Chu Mạnh Thắng, 2016. Ảnh hưởng của mức ăn khác nhau trong khẩu phần ăn của bò đang tiết sữa đến lượng thức ăn ăn vào, tỷ lệ tiêu hóa, khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan. Tạp chí Khoa học Công nghệ - số 59: 71-82.
33. Trần Hiệp, Chu Mạnh Thắng, Phạm Kim Đăng, 2016. Ảnh hưởng của bổ sung dầu bông đến khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò sữa. Tạp chí Khoa học và Phát triển: 14 (1): 28-35.
34. Trần Hiệp, Nguyễn Ngọc Bằng, Nguyễn Xuân Trạch và Chu Mạnh Thắng (2016). Ảnh hưởng của việc bổ sung dầu bông đến lượng thu nhận, năng suất và phát thải mêtan từ dạ cỏ bò đang tiết sữa.
35. Lê Văn Hà, Trần Hiệp, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Xuân Trạch, Bùi Quang Tuấn (2019). Nghiên cứu ủ chua vỏ chanh leo làm thức ăn cho gia súc nhai lại tại tỉnh Sơn La. Hội nghị khoa học Chăn nuôi – Thú y toàn quốc. Nhà xuất bản nông nghiệp (63-630/NN-2029 - 2/266-2019), tr.479-483.
36. Pham Kim Dang, Tran Hiep, Nguyen Thi Vinh, Nguyen Tien Thanh, Chu Ky Son (2016). Effect of cassava distillers dried grains from ethanol production on performance of growing pigs. International conference: Agriculture Development in the Context of International Integration: Opportunities and Challenges. Agricultural university press, p71-79 – 2016.
37. Tran Hiep, Nguyen Ngoc Bang, Duong Nguyen Khang, Nguyen Huu Cuong(\*\*), Chu Manh Thang (2016). Status methane emissions from beef cattle at some farms in nothern Vietnam. Journal of Agricultural Science And Technology, 6/2016.
38. Trần Hiệp, Phạm Kim Đăng, Nguyễn Ngọc Bằng, Chu Mạnh Thắng, 2015. Ảnh hưởng của bổ sung tannin trong chè xanh đến khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò sữa. Tạp chí Khoa học và Phát triển - 2016.
39. Nguyen Ngoc Bang, Tran Hiep, Pham Kim Dang, Nguyen Thi Duong Huyen, Nguyen Xuan Trach, 2016. Review: Physiological characteristics, nutrition requirements and some noticeable points when feeding beef cows. J. Sci. & Devel. 2016, Vol. 14, No. 1: 130-142.
40. Tran Hiep, Dang Vu Hoa, Pham Kim Dang, Nguyen Ngọc Bang, Nguyen Xuan Trach, 2016. Dietary supplementation of oil and non-protein nitrogen to mitigate methane emissions from growing cattle. J. Sci. & Devel. 2016, Vol. 14, No. 1: 109-118.
41. Suphawadee Y., Hiep T. and Thang C.M, 2015. Effects of Leucaena leucocephala supplemental levels in the diet for dairy cattle on animal productivity and enteric methane production. Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics, 8 (197).
42. Nguyen Ngoc Bang, Chu Tuan Thinh, & Tran Hiep, 2015. Using feed additives to reduce methane emission from ruminants. Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi Thú y. Đại học Cần Thơ, Cần Thơ - 2015.
43. Nguyễn Văn Đạt, Trần Hiệp, Nguyễn Xuân Trạch, 2015. Lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và hiệu quả sử dụng một số loại thức ăn xanh giàu protein của thỏ New Zealand sinh trưởng. Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 13, số 3: 381-387.
44. Nguyễn Văn Đạt, Trần Hiệp và Nguyễn Xuân Trạch, 2015. Nghiên cứu xác định mức năng lượng, protein và xơ thích hợp trong khẩu phần của thỏ New Zealand sinh trưởng khi sử dụng thức ăn địa phương. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi, 10.
45. Trần Hiệp, Vũ Chí Cương và Chu Mạnh Thắng (2015). Ảnh hưởng của mức ăn khác nhau đến thay đổi khối lượng và mức độ phát thải khí Mêtan dạ cỏ ở bò cạn sữa. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 52 - tháng 2/2015.
46. Trần Hiệp, Nguyễn Ngọc Bằng và Chu Mạnh Thắng (2014). Ảnh hưởng của khẩu phần chứa thân cây ngô ủ đến năng suất và sự phát thải khí metan của bò đang tiết sữa. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 51 - tháng 12/2014.
47. Nguyễn Văn Đạt, Trần Hiệp và Nguyễn Xuân Trạch (2014). Lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và hiệu quả sử dụng một số loại thức ăn xanh giàu xơ của thỏ Newzealand sinh trưởng. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 51 - tháng 12/2014.
48. Nguyễn Văn Đạt, Trần Hiệp, Nguyễn Xuân Trạch, 2014. Ảnh hưởng của mật độ năng lượng, preotein và xơ trong khẩu phần đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hóa thức ăn của thỏ New Zealand. Tạp chí Khoa học và Phát triển 2014, tập 12, số 4: 558-566.
49. Trần Hiệp, Đỗ Thị Huế, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Công Oanh, Lê Hữu Hiếu, Hà Xuân Bộ, J. Bindelle, A. Thewis và Vũ Đình Tôn, 2013. Hiện trạng sử dụng và giá trị dinh dưỡng một số loại thức ăn xanh dùng trong chăn nuôi lợn nông hộ ở miền Bắc Việt Nam. *Tạp chí KHKT Chăn nuôi, 8 (173), 2013.*
50. Nguyễn Công Oánh, Trần Hiệp, Lê Hữu Hiếu, J. Bindelle, A. Thewis và Vũ Đình Tôn, 2013. Tiêu hóa In vitro các chất dinh dưỡng trong chuối tiêu và tiêu hóa In vivo, hiệu quả sử dụng nitơ của khẩu phần ăn có quả chuối xanh và chín ở lợn. *Tạp chí KHKT Chăn nuôi, 8 (173), 2013.*
51. Tran Hiep, Dang Vu Hoa and Nguyen Xuan Trach, 2012. Mitigation of methane emission by means of oil and nitrate supplement in diets of growing cattle. Proceedings of the International Conference on Livestock-Based Farming Systems, Renewable Resources and the Environment, 6-9 June 2012, Dalat, Vietnam.
52. Hiep Tran, P. Salgado, E. Tillard , P. Dardenne , Trach Nguyen Xuan, P. Lecomte, 2010. “Global” and “Local” Predictions of Dairy Diet Nutritional Quality using Near Infrared Reflectance Spectroscopy. Journal of Dairy Science, 93(10), p. 4961-4975. <http://www.journalofdairyscience.org/article/S0022-0302%2810%2900528-X/abstract>

##### Tran H., Salgado P., and Lecomte P., 2009. Species, climate and fertilizer effects on grass fibre and protein in tropical environments. [The Journal of Agricultural Science](http://journals.cambridge.org/action/displayJournal?jid=AGS), [147](http://journals.cambridge.org/action/displayJournal?jid=AGS&volumeId=147&bVolume=y#loc147) (5), 555-568. <http://journals.cambridge.org/action/displayAbstract?fromPage=online&aid=6101948>.

**12. Hội thảo, hội nghị khoa học**

(Hội thảo quốc tế và hội thảo trong nước đã tham gia và bài... tại hội thảo)

1. Tran Hiep, Pham Kim Dang, Nguyen Ngoc Bang, Chu Manh Thang (2015). Effect of tea tanin on performance and methane emission of lactating dairy cows. The 7th International Science, Social Sciences, Engineering and Energy Conference (I-SEEC 2015).
2. Tran Hiep, Pham Kim Đang, Nguyen Ngoc Bang, Chu Manh Thang, 2015. Effects of tea tannin on performance and methane emission of lactating dairy cows. The 7th International Science, Social Sciences, Engineering and Energy Conference (I-SEEC 2015). Pibulsongkram Rajabhat University, Phitsanulok, Thailand. Date 24-26/11/2-2015.
3. Tran Hiep, Dang Vu Hoa and Nguyen Xuan Trach, 2009. Prediction and evaluation of methane emission of growing cattle diets in Vietnam based on fecal near infrared reflectance spectroscopy. Proceedings of the International Conference on Live stock production, climate change and resource depletion, 9 – 11 November 2010 in Pakse, Laos.
4. Hiep Tran., Salgado P., Tillard E., Bony J., Lecomte P., 2008. Caractérisation de la relation entre système d’alimentation et efficience zootechnique et environnementale dans les exploitations laitières de terrains tropicaux contrasté (Vietnam-Reunion). Rencontre de Recherche des Ruminants-3R. <http://www.journees3r.fr/texte.php3?id_article=2650>.

## Hiep Tran**., Salgado P., Bony J., Tillard E., Lecomte P.**. 2008. Composition des régimes et efficiences zootechnique et environnementale dans des exploitations laitières tropicales (Vietnam et île de La Réunion). In : INRA, Institut de l'élevage. *15ème Journées 3R, Paris, 3-4 décembre 2008* . s.l. : s.n., 1 p.. Rencontres recherches ruminants. 15, 2008-12-03/2008-12-04, Paris, France. <http://www.journees3r.fr/spip.php?article2650>.

1. Lecomte P., Tran Hiep., Salgado P., 2009. Faecal NIR prediction of methane production of dairy cows in tropical environments. Rencontre de Recherche des Ruminants-3R, 16. [www.journees3r.fr/IMG/pdf/2009\_06\_08\_Lecomte.pdf](http://www.journees3r.fr/IMG/pdf/2009_06_08_Lecomte.pdf)
2. Tran H., Salgado P., Nguyen Xuan T., Vu Chi C., and Lecomte P., 2008. Application of NIRS to develop prediction models for feed intake of dairy cows based on animal factors and fecal spectra. Proceeding of The 13th Animal Science Congress of the Asian - Australasian Association of Animal Production Societies, Hanoi – Vietnam.
3. Vu Quyet Thang, Tran Van Thu, Tran Hiep, Nguyen Xuan Trach. 2007. Influence de l'avoine fourragère sur la production laitière du troupeau de vaches laitières à Moc Chau, Son La. In : Steering Scientific Meeting 2006 of the National Institute of Animal Husbandry, Hanoï, Vietnam, August 1st 2007. s.l. : s.n., Résumé, 120. Steering Scientific Meeting 2006 of the National Institute of Animal Husbandry, Hanoï, Viet Nam, 1 Août 2007.
4. Tran H., Salgado P., Nguyen Xuan T., Lecomte P., 2007. Dry matter intake and milk yield prediction equations based on animal factors and fecal spectra using NIRS. Annual Scientific meeting of the National Institute of Animal Husbandry, Hanoi, Vietnam.
5. Tran H., Salgado P., Tillard E., Bony J., Lecomte P., 2008. Caractérisation de la relation entre système d’alimentation et efficience zootechnique et environnementale dans les exploitations laitières de terrains tropicaux contrasté (Vietnam-Reunion). Rencontre de Recherche des Ruminants-3R. <http://www.journees3r.fr/texte.php3?id_article=2650>.

## **Tran H., Salgado P., Bony J., Tillard E., Lecomte P.**. 2008. Composition des régimes et efficiences zootechnique et environnementale dans des exploitations laitières tropicales (Vietnam et île de La Réunion). In : INRA, Institut de l'élevage. *15ème Journées 3R, Paris, 3-4 décembre 2008* . s.l. : s.n., 1 p.. Rencontres recherches ruminants. 15, 2008-12-03/2008-12-04, Paris, France.

1. Tran H., Salgado P., Tillard E., Bony J., Lecomte P., 2008. Caractérisation de la relation entre système d’alimentation et efficience technique et environnementale dans les exploitations laitières de terrains tropicaux (Vietnam-Reunion). *Submitted to « Productions animales ».*
2. Tran H., Salgado P., Tillard E., Nguyen Xuan T., Lecomte P., 2008. Development of Dry Matter Intake and Milk Yield prediction models for dairy cows based on animal factors and fecal Near Infrared Reflectance spectra. *Revised version and re-soumitted to 15 september 2009 « Animal Journal ».*
3. Tran H., Salgado P., Tillard E., Nguyen Xuan T., Nguyen Thi Luong H., Vu Chi C., Lecomte P., 2008. Application of Near Infrared Reflectance Spectroscopy to develop prediction models for feed intake of dairy cows based on animal factors and fecal spectra. *Submitted to « Asian-Australian Journal of Animal Science »*
4. Tran H., Salgado P., N.X Trach., P. Lecomte, 2009. Prediction of methane production in dairy cows based on fecal near infrared reflectance spectroscopy. *Submitted to* Livestock Research for Rural Development, 12, 2009.

 ***- Communications:***

**Tran Hiep, Paulo Salgado, Nguyen Xuan Trach, Philippe Lecomte, 2007.** Dry matter intake and milk yield prediction equations based on animal factors and fecal spectra using NIRS: preliminary results. Annual Scientific meeting of the National Institute of Animal Husbandry, Hanoi, Vietnam. Date :1er août 2007.

**Tran Hiep, Paulo Salgado, Nguyen Xuan Trach, Philippe Lecomte, 2007.** Application of NIRS to develop prediction models for feed intake of dairy cows based on animal factors and fecal spectra.

**Tran Hiep, Paulo Salgado, Nguyen Xuan Trach, Vu Chi Cuong, Philippe Lecomte, 2008.** Animal Agriculture and the role of small holder farmers in a global economy. The 13th Animal Science Congress of the Asian - Australasian Association of Animal Production Societies, Hanoi - Vietnam. Date : 22-26 septembre, 2008

**Tran Hiep, Paulo Salgado, Emmanuel Tillard, Jasques Bony, Philippe Lecomte, 2008.** Caractérisation de la relation entre système d’alimentation et efficience zootechnique et environnementale dans les exploitations laitières de terrains tropicaux contrasté (Vietnam-Reunion). 15ème Rencontres Recherches Ruminants - Paris, Cité des Sciences et de l’Industrie. Date : 3-4 décembre 2008.

**Lecomte Ph., Tran Hiep., Salgado P., 2009.** Prédiction de la production de méthane sur les spectres proche infrarouge des faeces de vaches laitières en milieux tropicaux - Faecal NIR prediction of the methane production of dairy cows in tropical environments.

**Lecomte Ph., Tran Hiep., Salgado P., 2007.** Qualification of fiber combined protein of feed and its digestive utilization by dairy cattle in the tropical regions (Reunion – Vietnam) using Near Infrared Reflectance Spectroscopy (NIRS). Cirad/Việt Nam, 2007.

**Lecomte Ph., Tran Hiep., Salgado P., 2007.** Premier results of NIRS application on predicting fiber combined protein and on developing Dry matter intake and Milk yield prediction equations based on animal factors and fecal spectra. Viện Chăn nuôi/Việt Nam, 2007.

**Trần Hiệp, Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Xuân Trạch, 2000.** “Effect of urea treatment of maize stove on chemical compositions, intake and digestibility of growing cattle”. NUFU-SAREC, Viện Chăn nuôi/Việt Nam.

**13. Sở thích, lĩnh vực thành công và quan tâm**

Nghiên cứu khoa học, giảng dạy.

**14. Các thông tin khác**

Tôi cam kết bản khai lý lịch khoa học trên đây là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm ./.

*Hà Nội, ngày ….. tháng 3 năm 2020*

**Người khai**

**Trần Hiệp**

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**